

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

53

ĐÀNG TRONG SUY TÀN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
LÊ VĂN NĂM
Họa sĩ
TÔ HOÀI ĐẠT



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 53: ĐÀNG TRONG SUY TÀN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Đàng Trong suy tàn / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Lê Văn Năm biên soạn. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014.

92tr. ; 20cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.53).

1. Trương Phúc Loan, ?-1776. 2. Việt Nam -- Lịch sử -- 1592-1788. 3. Việt Nam -- Vua và quần thần. I. Trần Bạch Đằng. II. Lê Văn Năm. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Trương Phúc Loan, ?-1776. 2. Vietnam -- History -- 1592-1788. 3. Vietnam -- King and rulers.

959.70272 -- dc 22
Đ182

LỜI GIỚI THIỆU

Chúa Nguyễn Phúc Chú mất, con trưởng của người là Nguyễn Phúc Khoát lên nối nghiệp lớn. Lúc bấy giờ ở Đàng Trong, vua Lê chỉ là hư danh, các chúa Trịnh đã xưng vương nên sau khi nối nghiệp chúa, năm 1744, chúa xưng vương, hiệu Võ vương. Một trong những công lao lớn của Võ vương chính là hoàn thành công cuộc Nam tiến đến năm 1757, bờ cõi đất nước đã đến mũi Cà Mau và vịnh Xiêm La (vịnh Thái Lan).

Cuối đời Võ vương, quyền thần Trương Phúc Loan chuyên quyền, đổi di chiếu, lập Nguyễn Phúc Thuần lên làm chúa, gọi là Định vương để dễ bề thao túng triều chính. Do Định vương còn nhỏ tuổi, mọi quyền hành đều nằm trong tay Trương Phúc Loan, từ đó nhân dân oán ghét, lòng người ly tán. Mầm suy vong của Đàng Trong khởi sự từ đây.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 53 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Đàng Trong suy tàn”** phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Tô Hoài Đạt thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 53 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chúa Ninh Nguyễn Phúc Chú băng, Nguyễn Phúc Khoát lên nối ngôi chúa vào mùa hạ năm Mậu Ngọ (1738), hiệu Từ Tế đạo nhân, còn gọi là Võ vương hay chúa Võ. Chúa ở ngôi 27 năm, thọ 52 tuổi, táng tại núi La Khê, xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Quyền thần Trương Phúc Loan đưa Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi chúa, gọi là Định vương. Định vương bị bắt trong trận đánh tháng 9 năm Đinh Dậu (1777) với Tây Sơn ở Long Xuyên (nay là Cà Mau), mất khi 26 tuổi.

Nguyễn Phúc Khoát lên nối ngôi chúa lúc 25 tuổi. Hơn mười năm sau, Pierre Poivre - một thương gia người Pháp - đã có dịp gặp chúa Võ và ghi lại như sau: “Ngài có vẻ bề ngoài khỏe mạnh và thân thể vạm vỡ, nét mặt nở nang, đầu xinh, tóc xám và dài, rậm và giữ rất khéo, trán rộng, tai dài, mắt và lông mày màu đen, mũi ngắn, râu mép đen và nhiều, miệng so với mặt vừa khéo, cằm to và râu cằm ít, cổ vững, hai vai và ngực rộng, bụng to và tay chân béo”^(*).

* *Hồng Lam – Cardiere*, Lịch sử đạo Thiên Chúa ở Việt Nam, *Đại Việt Thiên Bản*, Huế, 1944, tr.55-56.



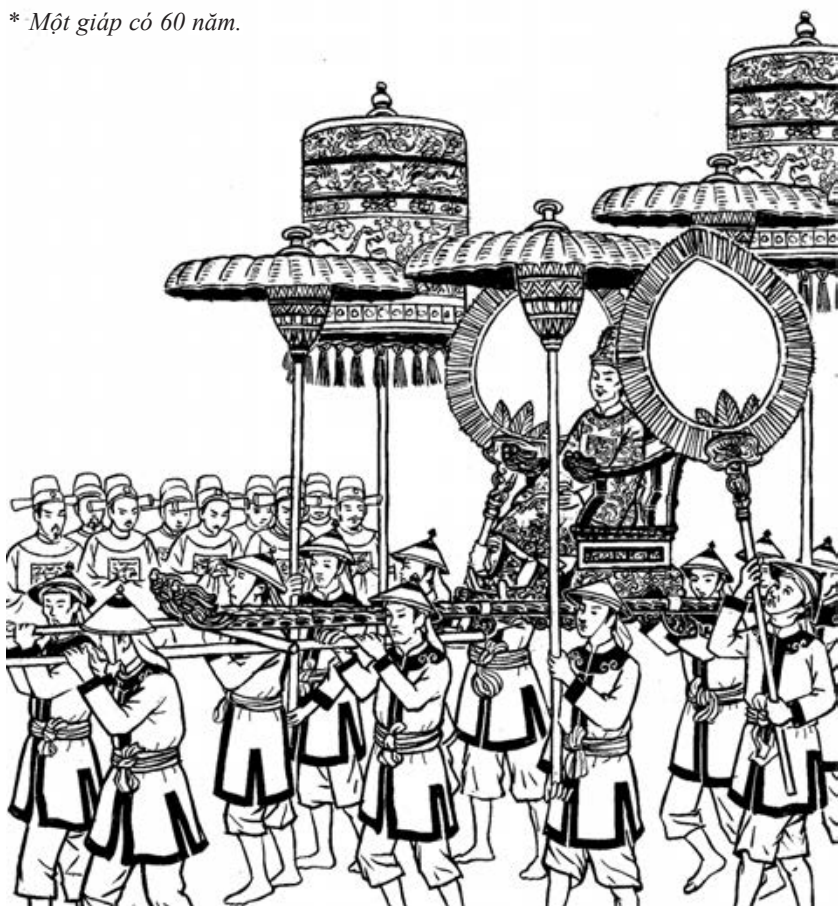
Trước đây, ở Đàng Trong, dù không bị chia phối của triều đình nhà Lê ở Thăng Long nhưng các chúa Nguyễn vẫn luôn xác định mình là bề tôi nhà Lê và được vua Lê phong tước Quốc công. Từ thời chúa Nguyễn Phúc Lan, vua Lê không còn phong tước cho chúa Nguyễn nhưng các chúa Nguyễn vẫn giữ tước hiệu vua Lê đã phong từ trước.



Tin tưởng vào lời sấm “Bát thế hoàn trung đô” (tám đời trở lại kinh đô) mà Nguyễn Phúc Khoát là đời thứ tám từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào Nam, nên chúa muốn tách rời khỏi Đàng Ngoài. Năm Giáp Tý (1744), năm khởi đầu của một giáp(*) trong âm lịch, chúa quyết định xưng vương hiệu.

Ngày 12 tháng 4 năm Giáp Tý (1744), chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương ở Phú Xuân.

* Một giáp có 60 năm.



Chúa cho đúc ấn vương, đồng thời cho đổi cách gọi, cách xưng hô. Chính dinh gọi là đô thành, đổi phủ (chúa) làm điện, với các thuộc quốc thì xưng chúa làm Thiên vương. Tước hiệu của các chúa đã khuất cũng được sửa đổi theo bậc quốc vương. Tuy nhiên, khi ghi ngày tháng trong văn thư, chúa vẫn dùng niên hiệu vua Lê phong cho chúa Nguyễn.



Võ vương cải tổ, sắp xếp bộ máy chính quyền trung ương thành bộ máy của một vương triều thực sự. Tên gọi của các cơ quan chính quyền trung ương cũng được sửa đổi: Ký lục đổi lại thành bộ Lại, Nha úy làm bộ Lễ, Đô tri làm bộ Hình, Cai bộ phó đoàn sự làm bộ Hộ. Chúa đặt thêm hai bộ nữa là bộ Hình và bộ Công. Như thế, triều đình Phú Xuân đã có đủ sáu bộ.

Chúa cũng định lại triều phục của quan lại và đặc biệt bắt dân chúng thay đổi y phục theo y phục của người Trung Hoa trước đời Thanh.



Lãnh thổ Đàng Trong được tổ chức thành một quốc gia với 12 dinh và 1 trấn, Phú Xuân là kinh đô. Dưới các dinh, trấn có các đơn vị phủ, huyện, tổng, xã, thôn, phường... Miền núi và ven biển còn có thuộc (tương đương tổng). Đứng đầu dinh có chức Trấn thủ, Cai bạ, Ký lục. Đứng đầu trấn Hà Tiên là Tổng binh. Ở cấp phủ, huyện có Tri phủ, Tri huyện đứng đầu, cấp xã có Trưởng thôn, Xã trưởng.





Cũng như những đời trước, quan lại được bổ nhiệm theo cách tiến cử hoặc thi cử. Năm 1740, Võ vương định lại phép thi: kỳ đệ nhất thi tứ lục, ai đỗ được miễn sai dịch 5 năm; kỳ đệ nhị thi thơ phú, kỳ đệ tam thi nghĩa kinh, ai đỗ được miễn sai dịch cả đời; kỳ đệ tứ thi văn sách, thi đỗ là Hương cống, được bổ làm Tri phủ, Tri huyện, Huấn đạo. Tuy nhiên, các kỳ thi không được tổ chức thường xuyên.

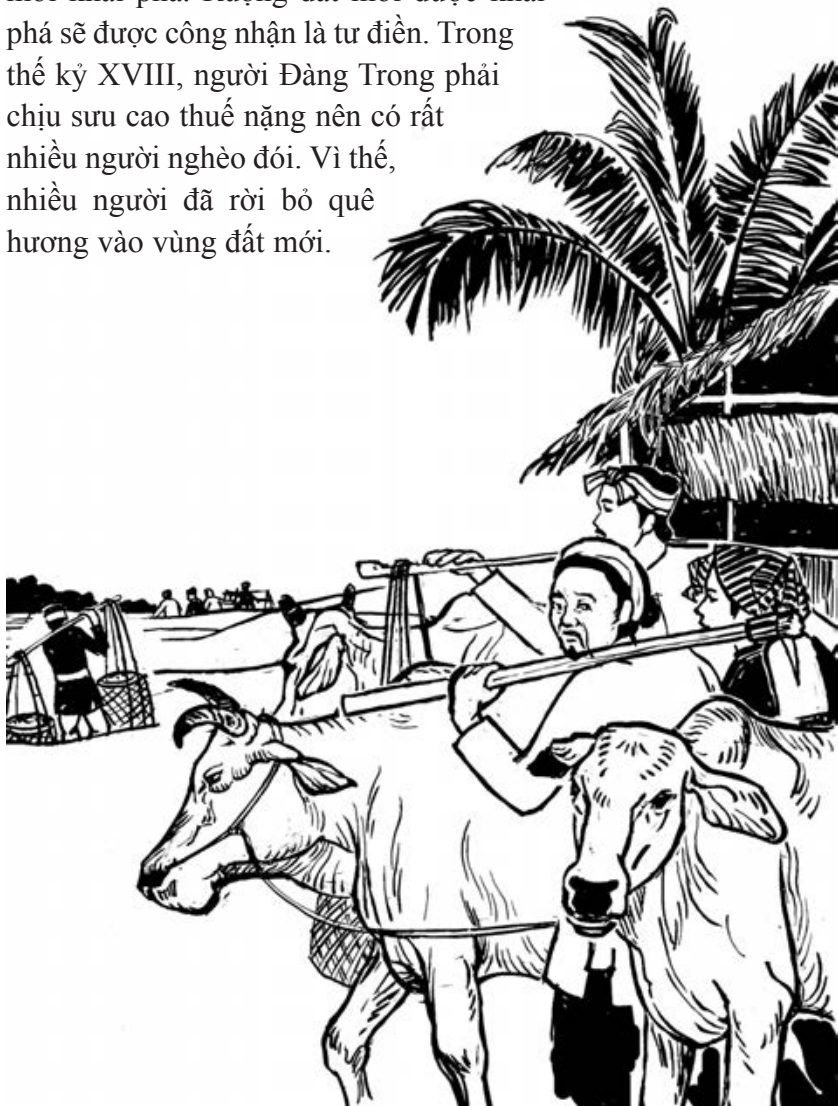
Nạn mua bán quan chức cũng rất phổ biến ở Đàng Trong. Chúa Nguyễn quy định để được làm Tướng thần(*) phải nộp 49 quan, để làm Xã trưởng phải nộp 41 quan. Sách *Phủ biên tạp lục* ghi lại: “... do đó mà mọi người tranh nhau nộp tiền lĩnh bằng (được giữ chức vụ trên), đến nay có chỗ một xã có đến 16 hay 17 Tướng thần, hơn 20 Xã trưởng đều được làm việc...”(**). Các quan cũng có thể nộp tiền để được thăng chức, chẳng hạn như năm 1766, Tướng thần Đoàn Phúc Chiêm đã nộp 664 quan để được thăng chức Ký phủ.

* Người thu thuế.

** *Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964, tr.156.*



Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, đất đai mở rộng rất nhiều về phía nam. Để thúc đẩy việc biến đất hoang thành ruộng vườn, Võ vương đã kêu gọi dân các vùng Thuận Quảng đi đến vùng đất mới khai phá. Ruộng đất mới được khai phá sẽ được công nhận là tư điền. Trong thế kỷ XVIII, người Đàng Trong phải chịu sưu cao thuế nặng nên có rất nhiều người nghèo đói. Vì thế, nhiều người đã rời bỏ quê hương vào vùng đất mới.





Một số người khác lại rời bỏ quê hương vì việc cấm đạo Thiên Chúa. Họ đến vùng đồng bằng sông Đồng Nai, sông Cửu Long vì nơi đây việc cấm đạo không quá gắt gao. Các nhóm giáo dân Thiên Chúa giáo đến định cư nhiều nơi như: Cái Đôi bên bờ sông Hậu, cù lao Giêng (trên sông Hậu), Lo Ót (hay Bò Ót - thuộc Long Xuyên ngày nay)...

Chúa Nguyễn cũng kêu gọi người giàu có ở Thuận Quảng mộ người vào Nam khai khẩn. Những người này, nhờ có vốn liếng nên đã đóng góp đáng kể vào công cuộc khai khẩn vùng đất mới.

Công cuộc khai hoang ở vùng đồng bằng sông, sông Đồng Nai đã phát triển mạnh. Nơi đây đã xuất hiện những người có nhiều ruộng đất. Lê Quý Đôn ghi lại: “Người giàu ở các địa phương hoặc bốn năm mươi nhà hoặc hai ba mươi nhà, mỗi nhà điền nô hoặc đến năm sáu mươi người, trâu bò hoặc đến ba bốn trăm con, cày bừa cấy gặt rộn ràng không rồi...”^(*).

* Lê Quý Đôn, *Sổđ*, tr.381.



Người Đàng Trong trồng nhiều giống lúa tẻ, lúa nếp, tùy điều kiện đất đai và thời tiết. Ở phủ Triệu Phong, nông dân trồng 7 giống lúa nếp, 10 giống lúa tẻ. Ở huyện Minh Linh, người ta trồng 5 giống lúa nếp và 7 giống lúa tẻ. Trong đó, có những giống thời gian từ cấy đến gặt chỉ 3 tháng, có giống chịu được nước mặn, có giống chịu đất thấp hoặc loại chịu đất cao, khô ráo...



Trên đồng bằng sông Đồng Nai, sông Cửu Long, nông dân cũng trồng nhiều giống lúa khác nhau, kỹ thuật canh tác cũng đa dạng. Có loại ruộng người ta cày và cấy, ở loại ruộng bùn sâu, người nông dân chờ cho ruộng có nhiều nước rồi cắt bỏ đung lác, cào cỏ đắp bờ rồi dùng cây chòi lỗ ở đất rồi cấy mạ xuống. Cũng có loại ruộng ở vùng Bả Canh, Tam Lập (vùng Tiền Giang), người ta không cần cày bừa, chỉ phát cỏ rồi cấy. Đất ở đây rất tốt, cấy 1 hộc lúa, gặt được 300 hộc.



Ở đất Gia Định (Nam Bộ), ngoài lúa gạo ra, người ta còn trồng nhiều loại cây khác nhau, đặc biệt là cây cau. Ngạn ngữ thời này có câu: “*Gia Định nhất thóc, nhì cau*” đã nói lên điều đó. Nông dân để cau già, lấy hạt bán cho thương nhân người Hoa.

Các loài cây ăn trái được trồng nhiều ở vùng giữa sông Tiền và sông Hậu (vùng này thường được gọi là *miệt vườn*).



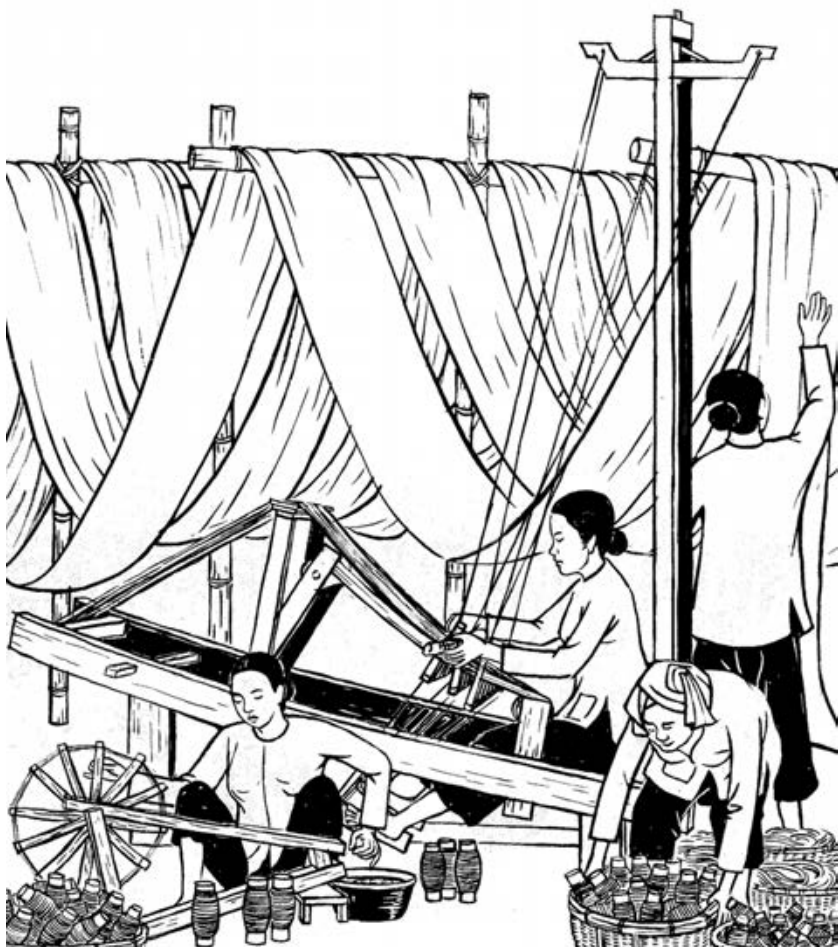
Ở Đàng Trong có nhiều làng nổi tiếng về các sản phẩm thủ công như xã Phú Trạch, huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong, các xã Đại Phước, Tuy Lộc huyện Lệ Thủy, phủ Quảng Bình chuyên làm chiếu; xã Triệu Sơn, huyện Phú Vang phủ Triệu Phong chuyên làm nón. Giấy sản xuất ở xã Đốc Sơ, huyện Hương Trà và thôn Trung Chi, huyện Đăng Xương thuộc phủ Triệu Phong được làm bằng vỏ cây gió. Xã Tuy Lộc và Đại Phước ở huyện Lệ Thủy, phủ Quảng Bình thì làm giấy bằng vỏ cây niệt, bền và dày như giấy lệnh sản xuất ở Thanh Hoa (Đàng Ngoài).



Thợ ở hai xã Phan Xá và Hoàng Giang, huyện Khang Lộc, phủ Quảng Bình giỏi nghề đúc súng. Chúa Nguyễn dùng thợ ở hai xã này lập nên những đội chuyên đúc súng ở Phú Xuân. Ở bờ nam sông Hương (Phú Xuân) có phường đúc sản xuất các loại đồ đồng như súng đồng, nồi, vạc, chảo, đèn... Ngoài ra, thợ ở xã Vồng Trì, huyện Phú Vang, phủ Triệu Phong chuyên làm các loại cày, cuốc, rìu, búa,... Thợ ở xã Mậu Tài, châu Phú Vang, phủ Triệu Phong khéo nghề làm dây đồng, đồng thau,...



Ngành dệt cũng rất phát triển ở Đàng Trong cung cấp nhiều loại vải lụa để dùng trong nước và bán cho thuyền buôn nước ngoài. Nhiều vùng chuyên về một vải loại sản phẩm như các xã Sơn Điền, Dương Xuân, Vạn Xuân ở huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong chuyên về các loại vóc, sạ, lĩnh, gấm, trừu; xã Bình Xá, Võ Xá, huyện Lệ Thủy, phủ Quảng Bình lại chuyên về lụa,...



Đường là một sản phẩm khá nổi tiếng ở Đàng Trong. Các loại đường đen, đường trắng được sản xuất ở huyện Đàng Xương, huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong. Đường phôi, đường phèn là sản phẩm nổi tiếng của phủ Điện Bàn. Thương nhân Pierre Poivre ghi lại trong hồi ký của mình: “*Có thể nói không quá rằng đường của Đàng Trong chẳng thua kém loại đường tốt nhất của Ấn Độ và đã thu hút nhiều thương nhân Trung Quốc đến Hội An mua chở đi bán ở Quảng Đông, Nhật Bản lãi 400%...*”.



Người thợ thủ công Đàng
Trong còn biết cả việc sửa máy
móc. Sách *Phủ biên tạp lục* có ghi
lại chuyện về người thợ sửa đồng
hồ. Chúa Nguyễn Phúc Khoát có
một chiếc đồng hồ quả lắc tinh xảo
do Tây phương chế tạo. Đồng hồ bị
hư, chúa nhờ Từ Tâm Bá (một người
Tây phương đang được chúa giao cho
việc xem xét các hiện tượng thiên văn)
sửa nhưng y chần chừ mãi mấy năm
không làm. Chúa nhờ một người
thợ Trung Quốc ở Ma Cao sửa giúp
nhưng cũng bị từ chối.



Cuối cùng, chúa Nguyễn Phúc Khoát sai Nguyễn Văn Tú sửa chiếc đồng hồ. Nguyễn Văn Tú lúc nhỏ đã có dịp sang Hà Lan học hỏi về nghề sửa đồng hồ và kính thiên văn. Không những có thể sửa được chiếc đồng hồ cho chúa mà ông còn theo cách thức đó mà chế tạo một chiếc đồng hồ nhỏ hơn, chạy rất chính xác. Ông về sau làm nghề sửa đồng hồ và chỉ truyền nghề cho những người trong nhà.



Về khai thác quặng mỏ, ở Đàng Trong, hoạt động này không được chú trọng như ở Đàng Ngoài. Tuy nhiên, một số loại khoáng sản như vàng, sắt cũng được khai thác và đem lại nguồn lợi lớn. Ở núi Trà Nô, Trà Tế đầu nguồn sông Thu Bồn (Quảng Nam), người ta: “... tìm thấy mạch [vàng], đào lấy đất, làm nhà để che, chứa đất thành đống, mức nước dội vào... Rửa đãi một ngày, thường được vàng vụn đầy một bong bóng trâu, nộp vào trường để nấu đúc”^(*).

^{*} Lê Quý Đôn, *Sổđ*, tr.248.



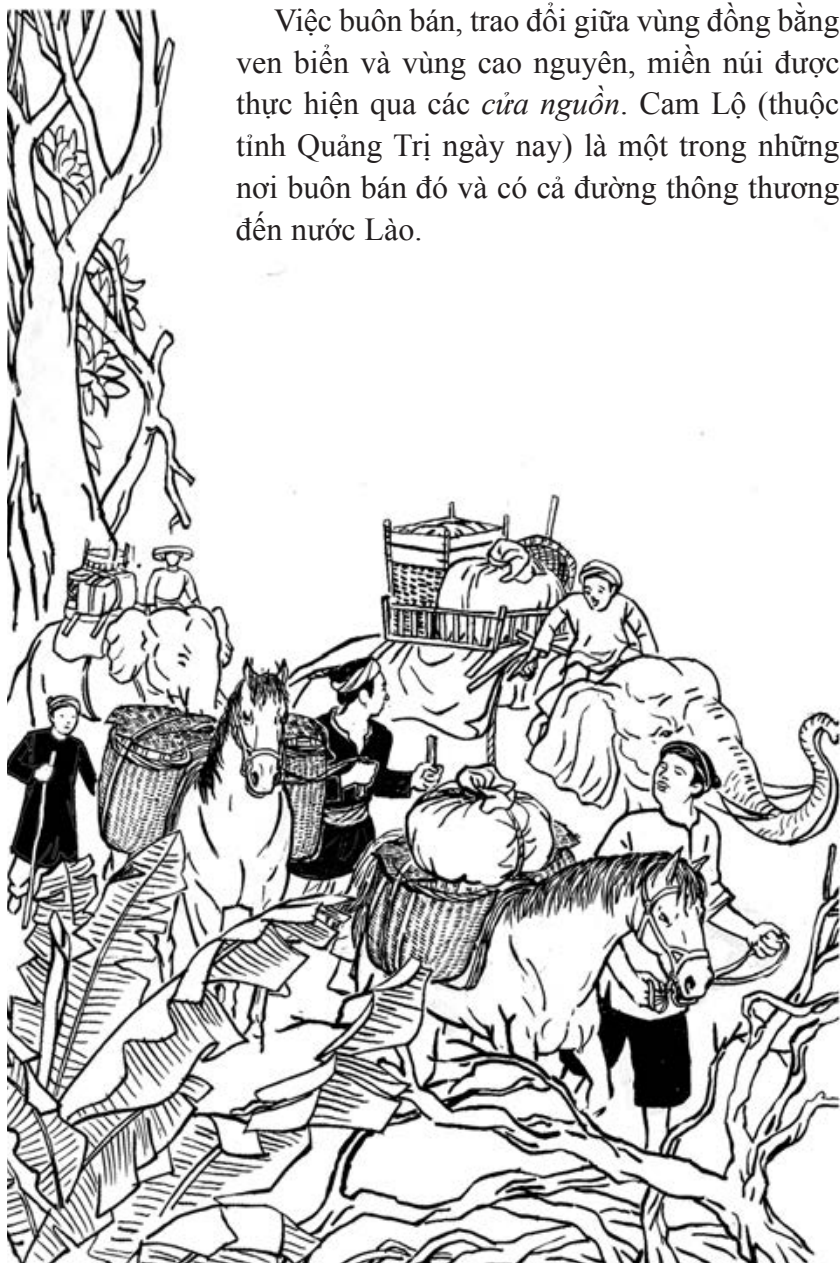
Lê Quý Đôn cho biết các mỏ vàng này được cấp cho Trương Phúc Loan làm ngụ lộc. Loan cho người nhà là Ân Điện khai thác hơn 20 năm, vàng được không biết bao nhiêu mà kể. Giang Thuyền - thông gia của Ân Điện - mua một khu núi để khai thác lấy vàng. Hằng năm, y đem đến Hội An bán không dưới một ngàn hốt vàng.

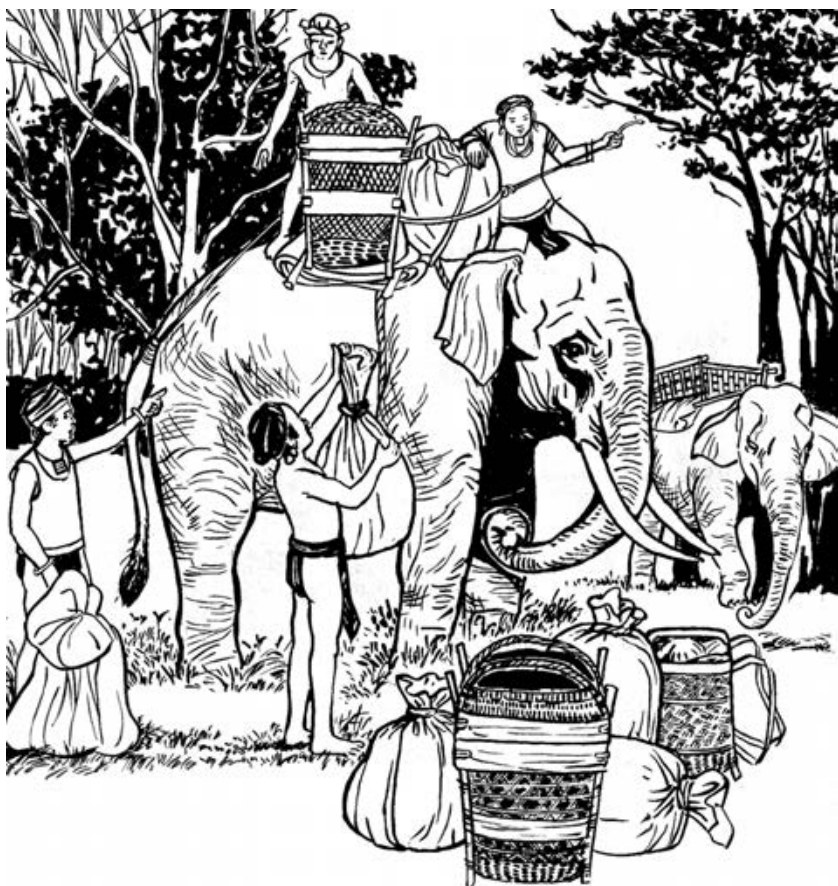




Trong thế kỷ XVIII, ở Đàng Trong, hoạt động buôn bán khá phát triển. Nhiều khu chợ búa là trung tâm mua bán, trao đổi của cả một vùng cũng đã hình thành như phủ Thăng Hoa có 6 chợ, phủ Quy Nhơn có 5 chợ, phủ Diên Khánh có 5 chợ, phủ Gia Định có 5 chợ,...

Việc buôn bán, trao đổi giữa vùng đồng bằng ven biển và vùng cao nguyên, miền núi được thực hiện qua các *cửa nguồn*. Cam Lộ (thuộc tỉnh Quảng Trị ngày nay) là một trong những nơi buôn bán đó và có cả đường thông thương đến nước Lào.





Sách *Phủ biên tạp lục* ghi chép về việc buôn bán đó như sau: “... người buôn ở các xã thường mang muối, mắm, cá khô, đồ sắt, nồi đồng, thoi bạc, hoa xuyến, các đồ lặt vặt, đến đất người Man (dân tộc ít người) để đổi lấy hàng hóa, thóc gạo, gà, trâu, gai sập, mây, vải... thuê voi chở về Cam Lộ. Người Man cũng có lấy voi chở hàng hóa xuống chợ Cam Lộ để bán... Cũng có phiên chợ lùa 300 con trâu đến bán, giá 1 con trâu không đến 10 quan, giá 1 con voi chỉ 2 hốt bạc và 1 khẩu súng nhỏ.”(*)

* Lê Quý Đôn, *Sđd*, tr.224.



Vùng đất Gia Định ngày càng được khai phá, trồng trọt và trở thành vùng nông nghiệp quan trọng. Đây là vựa lúa của cả Đàng Trong. Một thương nhân ở Bồ Chính (nay là Quảng Bình) thường vào Gia Định buôn bán cho biết vào tháng 9, tháng 10 âm lịch, thuyền buôn các xứ Thuận Quảng theo gió bắc (thổi theo hướng đông bắc - tây nam) vào Gia Định, đến tháng 4, tháng 5 theo gió nồm (thổi hướng ngược lại) trở về.

“Đến xứ Vũng Tàu, đầu cỗi Gia Định, hạ buồm đậu vào, hỏi thăm nơi nào được mùa, nơi nào mất mùa, biết nơi nào được mùa mới đến... Đến chỗ nào cũng là thuyền buồm tụ họp, mặc cả giá thành thì người bán hàng tự sai người nhà khuân hàng xuống thuyền. Một tiền quý mua được 16 đấu thóc... Gạo nếp, gạo tẻ đều trắng dẻo. Tôm các rất to béo, ăn không hết. Dân địa phương thường nấu qua rồi phơi khô để bán”^().*

Gia Định có nguồn gỗ phong phú nên các thương nhân Thuận Quảng thường vào đây đóng thuyền, đem về bán lại.

^{*} Lê Quý Đôn, *Sdd*, tr.129.





Thế kỷ XVII được xem là thời kỳ cực thịnh của ngoại thương ở Đàng Trong. Sang thế kỷ XVIII, hoạt động thương mại vãn dần. Năm 1742, công ty Đông - Ấn Pháp phái Pierre Poivre đến để lập quan hệ mua bán. Nhưng việc buôn bán không được thuận lợi nên thương gia này bỏ đi và bắt theo một thông dịch viên người Việt. Việc đó đã khiến Võ vương tức giận, ra lệnh cấm đạo Thiên Chúa, đuổi các cha cố ra khỏi xứ. Chỉ có cha cố J.Koffker đang làm bác sĩ cho chúa được ở lại. Sau đó, người Pháp mang trả người thông dịch viên và cố gắng nói lại việc buôn bán nhưng không thành công.

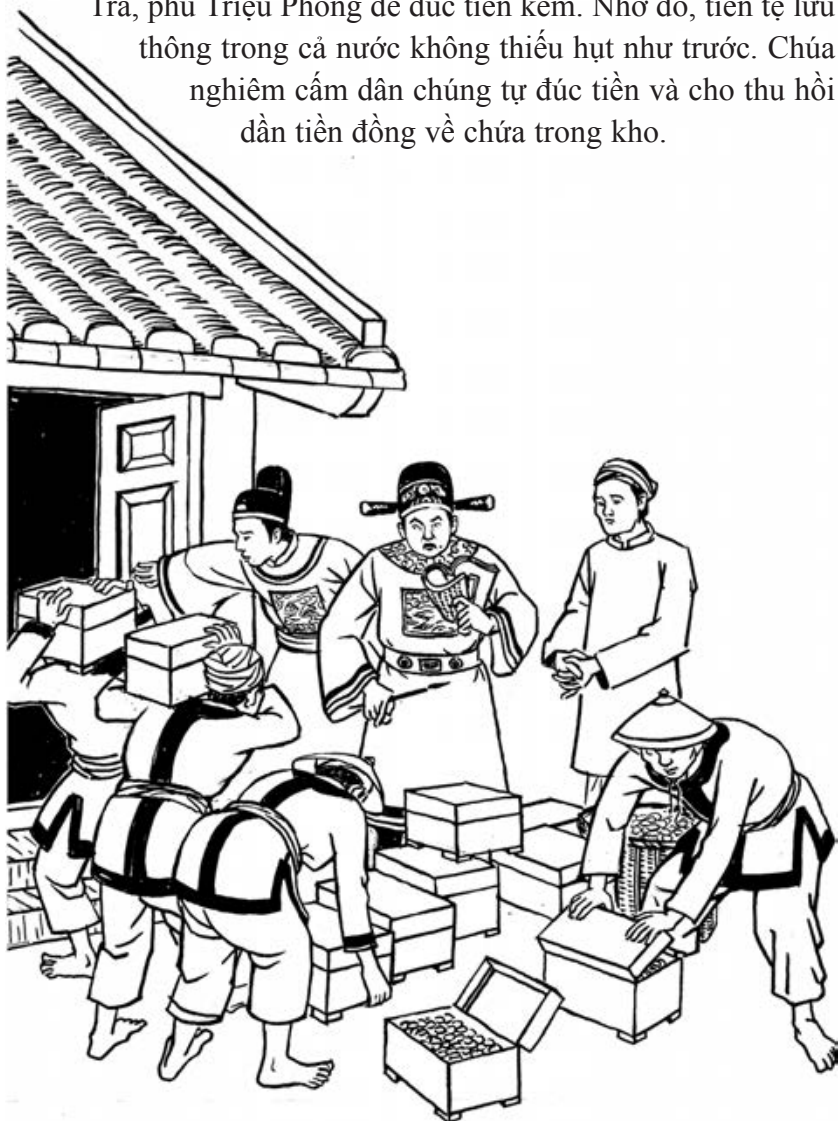


Số lượng thuyền buôn đến Đàng Trong trong những năm 1740-1750 vào khoảng 60 đến 80 chiếc mỗi năm, đã sụt giảm xuống còn 16 chiếc vào năm 1771 và 8 chiếc vào năm 1773. Quan hệ giao thương giữa Đàng Trong và các nước bị thu hẹp. Số thuyền buôn đến Đàng Trong giờ đây phần nhiều là thuyền buôn Trung Quốc.

Về tiền tệ, trước đây, Đảng Trong tiêu dùng các loại tiền đồng đúc ở Trung Quốc do các thương nhân Trung Quốc và Nhật Bản mang đến. Chúa Nguyễn Phúc Khoát cũng cho đúc tiền đồng *Thái Bình thông bảo* để sử dụng trong nước. Tuy nhiên, người dân thường đem tiền đồng nấu chảy để đúc thành các vật dụng. Vì thế, số tiền đồng trong nước ngày càng hao hụt.



Năm 1746, Võ vương nghe theo lời khuyên của một người Hoa cho mua kẽm trắng của người Tây phương đúc tiền. Cục đúc tiền được lập ở Lương Quán thuộc tổng Kim Long, huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong để đúc tiền kẽm. Nhờ đó, tiền tệ lưu thông trong cả nước không thiếu hụt như trước. Chúa nghiêm cấm dân chúng tự đúc tiền và cho thu hồi dần tiền đồng về chứa trong kho.



Sau đó, chúa cho những người có quyền thế được mở lò đúc tiền để kiếm lời vì chỉ bỏ ra 8 quan tiền mua kẽm về đúc ra tiền, trừ hết chi phí còn được 20 quan. Tiền này mang tên *Thiên Minh thông bảo*. Thêm vào đó, lại có nhiều người đúc trộm tiền vì việc đúc tiền kẽm không cần kỹ thuật cao. Loại tiền này vừa mỏng lại vừa xấu vì người ta dùng kẽm pha chì.





Dân chúng chê không tiêu dùng tiền kẽm làm giá trị đồng tiền sụt giảm trầm trọng, xảy ra *nạn tiền hoang*. Lúc đầu, một đồng tiền kẽm có giá trị bằng ba đồng tiền đồng. Sau đó, phải ba đồng tiền kẽm mới ăn một đồng tiền đồng, người ta còn chọn bỏ những đồng tiền kẽm quá mỏng, xấu. Vật giá vì thế tăng vọt. Năm 1748, chúa phải ra lệnh bắt buộc dân chúng phải tiêu dùng đồng tiền đúc bằng kẽm trắng, ai chọn lựa tiền thì bị tội.



Nho sĩ Ngô Thế Lân đã tâu với Võ vương về việc đúc tiền kẽm: “... lợi đúc tiền kẽm lại gấp đôi lợi khác, mà không có cái lo về lam sơn chường khí, hùm beo, sóng gió kinh ngạc... Cho nên từ khi việc đúc trộm tiền kẽm ở Ba Xắc (Sóc Trăng ngày nay) hoành hành thì giá thóc ở Gia Định cao vọt là bởi kẻ đúc trộm tiền kẽm được lợi rất nhiều, nếu chở đi nơi khác thì lộ việc gian, nên không kẻ hàng đắt rẻ, đều tùy tiện mua lấy, giá thóc bèn nhân đó mà đắt lên...”^(*).

* Lê Quý Đôn, *Sđd*, tr.329-330.

Nạn tiền hoang khiến cho người có thóc, nhất là các địa chủ ở Gia Định tích trữ thóc gạo không bán ra. Vì thế, các vùng Quảng Nam, Thuận Hóa bị thiếu gạo ăn.

Ngoài loại tiền do chúa Nguyễn đúc, trấn Hà Tiên được chúa cho phép đúc loại tiền riêng để nhân dân tiêu dùng. Đó là tiền đồng *Thái Bình thông bảo* và *An Pháp nguyên bảo*.



*Tiền Thái Bình thông bảo
bằng kẽm*



*Tiền Thái Bình thông bảo
bằng đồng*





Cuộc sống dân chúng Đảng Trong cực kỳ không chỉ vì nạn tiền hoang mà còn vì sưu cao thuế nặng. Ngoài các loại thuế chính như thuế đinh, thuế điền... dân còn phải nộp thêm rất nhiều loại thuế phụ, lễ vật như gạo điền mẫu, tiền cung đốn, tiền gạo ngụ lộc cho quan thu thuế, tiền nộp thóc vào kho, tiền khoán khổ để sửa chữa kho, tiền cót tre để làm kho, tiền bao mây để chứa thóc, tiền dầu đèn, tiền trà cau,...

Thuế khóa ngày càng nặng nề để phục vụ cho cuộc sống xa hoa của chúa và các quan lại. Võ vương cho xây dựng rất nhiều cung điện tại Phú Xuân cho xứng tầm một đế đô. Có mấy vạn ngôi nhà được xây cất bằng các loại gỗ quý. Các quan lại cũng bắt chước như thế mà đua đòi xa hoa.



Các loại thuế rất phức tạp, việc thu thuế chi li là môi trường tốt để các quan thu thuế nhũng lạm. Các quan lại Đàng Trong không được nhà nước cấp lương mà được cấp lộc điền để cày cấy nhưng chủ yếu là họ được cấp cho một số dân (gọi là dân ngụ lộc). Những người này phải nộp tiền, gạo cho quan để thay cho thuế đinh và lao dịch.



Thêm nữa, số quan lại ở Đàng Trong rất nhiều. Lê Quý Đôn nhận xét: “... tính trong cả xứ, quan bản đường chính ngạch vẫn nhiều, đặt thừa quá lạm, Tướng thần, Xã trưởng nhiều gấp đôi, không thể kể xiết”, “Quảng Nam, Thuận Hóa chỉ hai trấn thôi mà họ Nguyễn đặt quan lại, thuộc ty, hương trưởng kể có hàng nghìn, những lạm quá lắm. Tất cả bổng lộc đều lấy ở dân, dân chịu sao được”^(*).

* Lê Quý Đôn, *Sđđ*, tr.154, 155.



Sự nhũng lạng của quan lại lên đến cùng cực dưới đời chúa Nguyễn Phúc Thuần. Chúa tin dùng Thái phó Trương Phúc Loan và Hữu trung cơ Nguyễn Nghiễm là những kẻ tham lam vô độ. Trương Phúc Loan được hưởng ngụ lộc rất lớn, số thu hằng năm lên đến bốn năm vạn quan^(*) và các nguồn lợi khác thu vào ba bốn vạn quan nữa.

^{*} 1 quan = 10 tiền = 600 đồng.



Tuy thế, Loan vẫn tìm cách cướp của dân, ngay cả những món vật vãnh. Để nấu bữa ăn thịnh soạn cho gia đình Loan, mỗi ngày Loan chỉ phát cho đầu bếp 4 tiền. Vì thế, bọn tôi tớ ra chợ ức hiếp mua rẻ của dân. Không ai dám chống lại vì sợ bị hại.

Tài sản Loan vợ vét được rất lớn. Có lần nước lụt, những ruộng hòm của cải tại dinh thự Phần Dương bị ướt, người nhà phải đem vàng ra phơi. Vàng để đầy chiếu mây, sáng lòà cả sân.



Lúc bấy giờ, nhiều đại thần, tôn thất oán giận Trương Phúc Loan, tìm cách loại trừ y nên sai người giả mạo bức thư Loan thông đồng với Nguyễn Nhạc và lấy trộm ấn của Loan đóng vào thư đem bỏ ở phủ đường. Có người nhặt được, dâng Chương cơ Tôn Thất Vãn. Vãn báo với chúa Nguyễn Phúc Thuần và xin trị tội Loan.



Thế nhưng, chúa nghe lời của Loạn cho là mình bị vu oan nên Loạn không bị việc gì. Loạn ôm hận và tìm cách trả thù. Y dùng lại thủ đoạn mà những đối thủ đã dùng, cho người vu cáo Tôn Thất Văn thông đồng với Tây Sơn, giả thư Tây Sơn gửi cho Văn. Tôn Thất Văn lo sợ, chạy trốn nhưng bị Loạn sai người đuổi theo bắt và dìm chết ở phá Tam Giang.



Trong khi quan lại sống xa xỉ, người dân Đàng Trong bị đói khổ. Nạn đói thường xảy ra ở vùng Thuận Quảng, chẳng hạn như cuối năm 1744, Thuận Hóa xảy ra nạn đói, người chết đói đầy đường, có khi người ta phải ăn cả thịt người để sống sót. Năm 1752, giá gạo tăng cao nên nhiều người bị chết đói.



Nhiều cuộc khởi nghĩa của những người nông bản cùng không chịu nổi sự vơ vét, những lạm của quan lại. Một trong những cuộc khởi nghĩa ấy có cuộc khởi nghĩa của chàng Lía. Lía xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo khổ, đã từng làm ăn mày và ở đợ cho địa chủ. Lía giỏi võ nghệ, tính khí hiên ngang. Bị áp bức, Lía uất ức bỏ vào rừng, đi theo một toán nông dân nổi dậy.



Với tài ba, chí khí nổi bật, Lía đã trở thành thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân lập căn cứ ở Truong Mây, phủ Bình Định, thường cướp của người giàu chia cho người nghèo. Nghĩa quân bị đánh bại, Lía tự vẫn chết.

Cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng nghĩa quân được nhân dân nhớ đến với lòng triu mến qua ca dao:

*Chiều chiều én lượn Truong Mây
Cảm thương chàng Lía bị vây trong thành.*

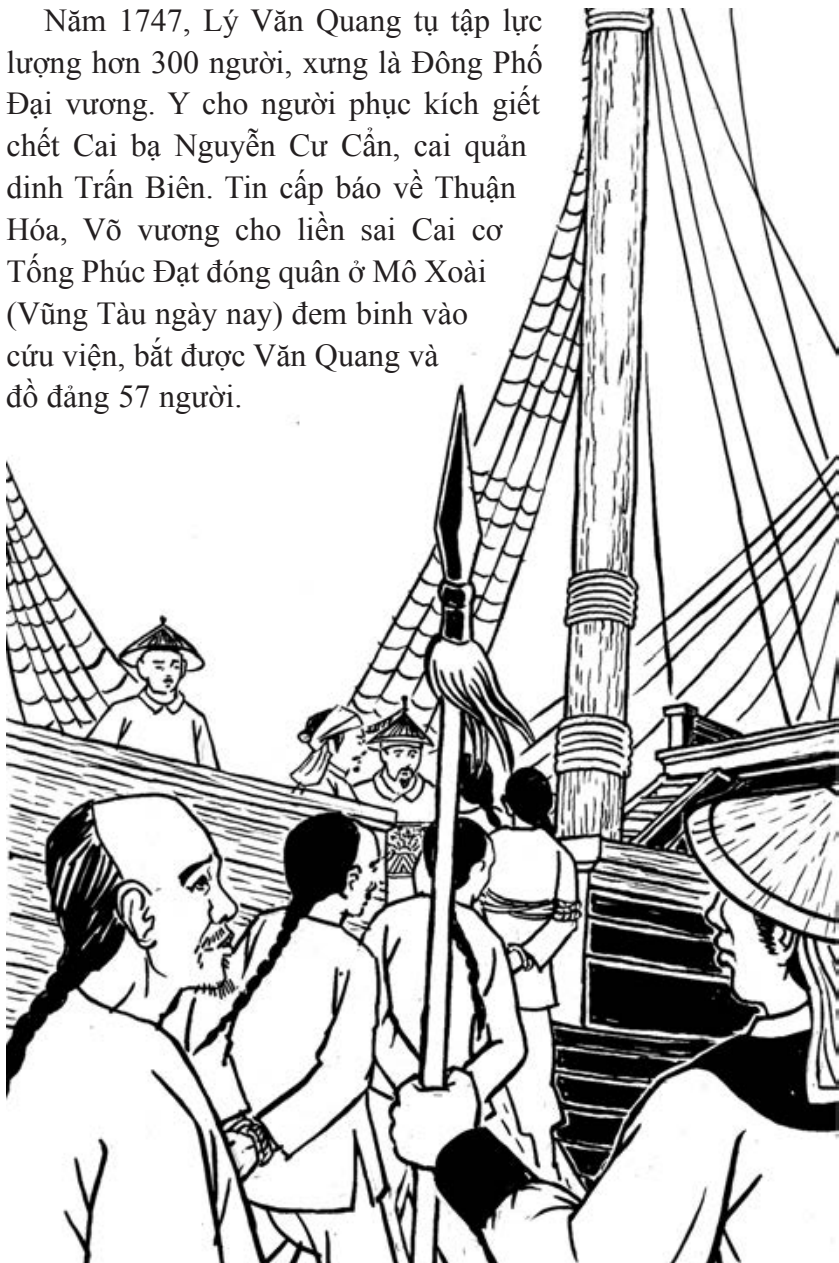




Ngoài ra, còn có cuộc nổi dậy của người Chiêm Thành ở trấn Thuận Thành (Ninh Thuận ngày nay) do Dương Bao Lai và Diệp Mã Lai đứng đầu (1746) và cuộc nổi dậy của các nhóm dân tộc ít người ở vùng Đá Vách thuộc Quảng Nam (1750).

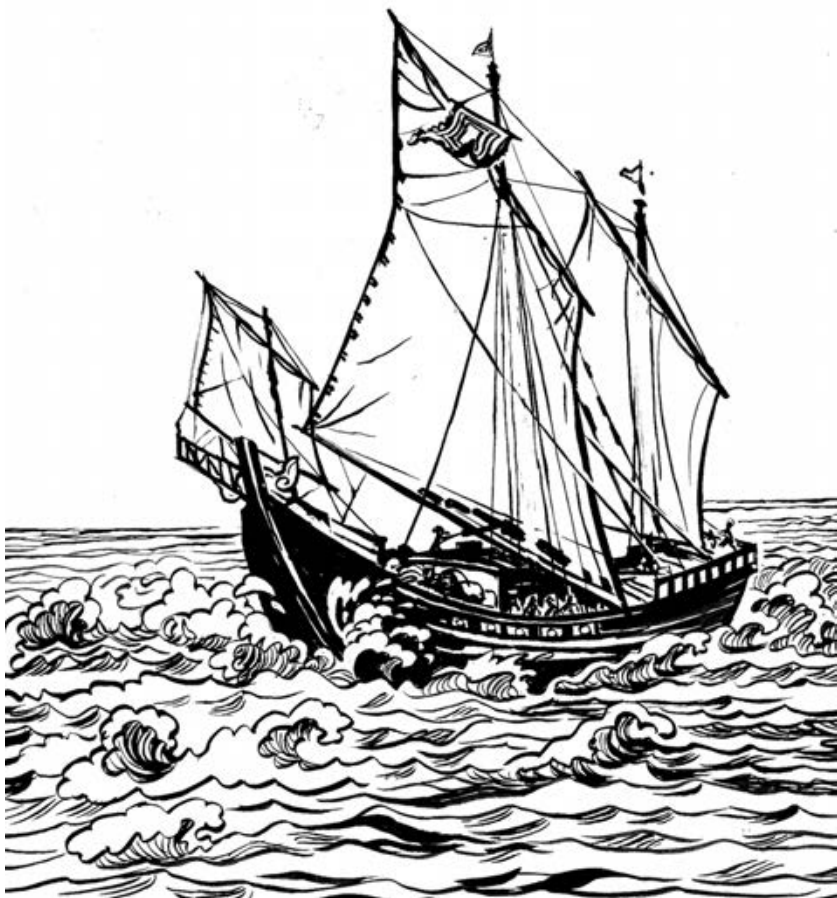
Tình hình ở Đàng Trong còn bất ổn do các cuộc nổi dậy của Lý Văn Quang, một thương nhân người Hoa gốc ở Phúc Kiến đến cù lao Phố, thuộc dinh Trấn Biên sinh sống.

Năm 1747, Lý Văn Quang tụ tập lực lượng hơn 300 người, xưng là Đông Phố Đại vương. Y cho người phục kích giết chết Cai bạ Nguyễn Cư Cần, cai quản dinh Trấn Biên. Tin cấp báo về Thuận Hóa, Võ vương cho liền sai Cai cơ Tổng Phúc Đạt đóng quân ở Mô Xoài (Vũng Tàu ngày nay) đem binh vào cứu viện, bắt được Văn Quang và đồ đảng 57 người.



Còn ở trấn Hà Tiên, năm 1739, Mạc Cửu mất, Mạc Thiên Tứ nối nghiệp cha, giữ chức tổng binh Hà Tiên.

Mạc Thiên Tứ tập trung sức lực mở mang Hà Tiên thành một thương cảng quan trọng. Thuyền buôn đến Hà Tiên buôn bán đến từ nhiều nơi như vùng Thuận Quảng, Gia Định và từ các nước như Mã Lai, Xiêm (Thái Lan), Trung Quốc, Bồ Đào Nha... Mạc Thiên Tứ cũng nhiều lần phái sứ giả và thuyền buôn đến Nhật đặt quan hệ buôn bán.

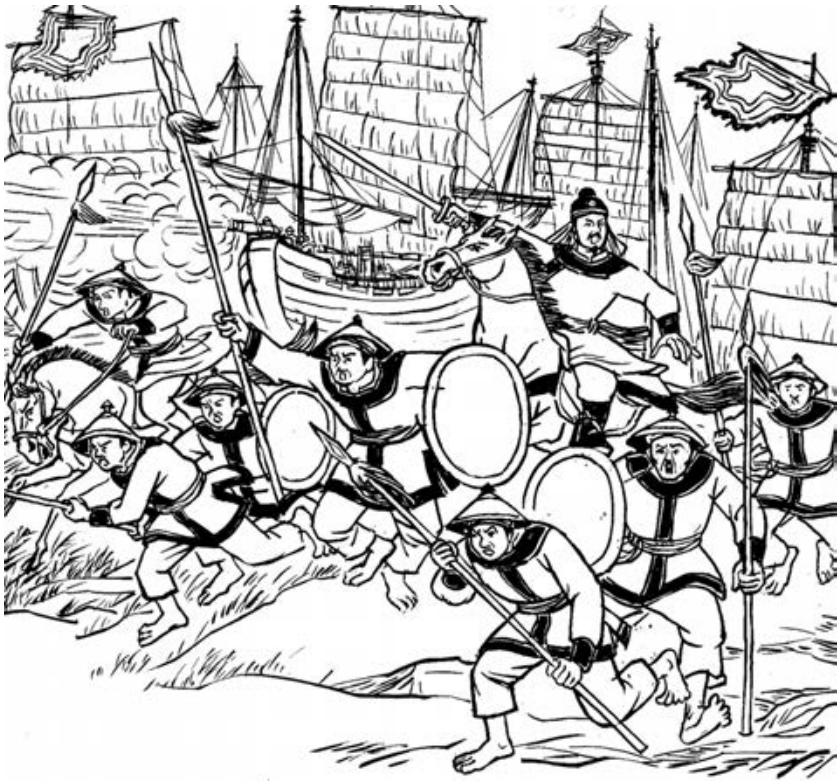


Mạc Thiên Tứ còn mở rộng vùng đất của mình đến tận bờ sông Hậu, lập nên các huyện Long Xuyên (vùng Cà Mau ngày nay), Kiên Giang (vùng Rạch Giá), Trần Giang (vùng Cần Thơ) và Trần Di (vùng Bạc Liêu). Nông nghiệp với sự khuyến khích quan tâm đặc biệt suốt từ thời Mạc Cửu đến nay đã dần phát triển ổn định.



Ông còn phát triển lực lượng quân sự để phòng thủ Hà Tiên, nhiều lần dẹp tan bọn cướp biển hoạt động trên vịnh Thái Lan đe dọa các thuyền buôn đến Thái Lan buôn bán.





Khi Mạc Thiên Tứ nổi nghiệp cha, vua Chân Lạp Nặc Bôn mang quân đến đánh Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ dùng tất cả lực lượng ở Hà Tiên lúc bấy giờ để chống cự và đẩy lùi quân Chân Lạp đến Sài Mạt (Kiên Giang ngày nay). Mạc Thiên Tứ thúc quân truy đuổi quân địch suốt ngày đêm nên quân lương không kịp tiếp tế.

Vợ Mạc Thiên Tứ (họ Nguyễn) đứng ra đốc thúc quân lính, tập trung lực lượng chuyên chở lương thực ra mặt trận. Nhờ thế, quân sĩ không bị thiếu quân lương. Cuối cùng, vua Chân Lạp phải rút lui. Được tin thắng trận, chúa Nguyễn Khúc Khoát phong Mạc Thiên Tứ làm Đô đốc Tướng quân, ban thưởng áo mũ, đai và phong cho vợ của Mạc Thiên Tứ tước hiệu *Hiếu Túc Thái phu nhân*.





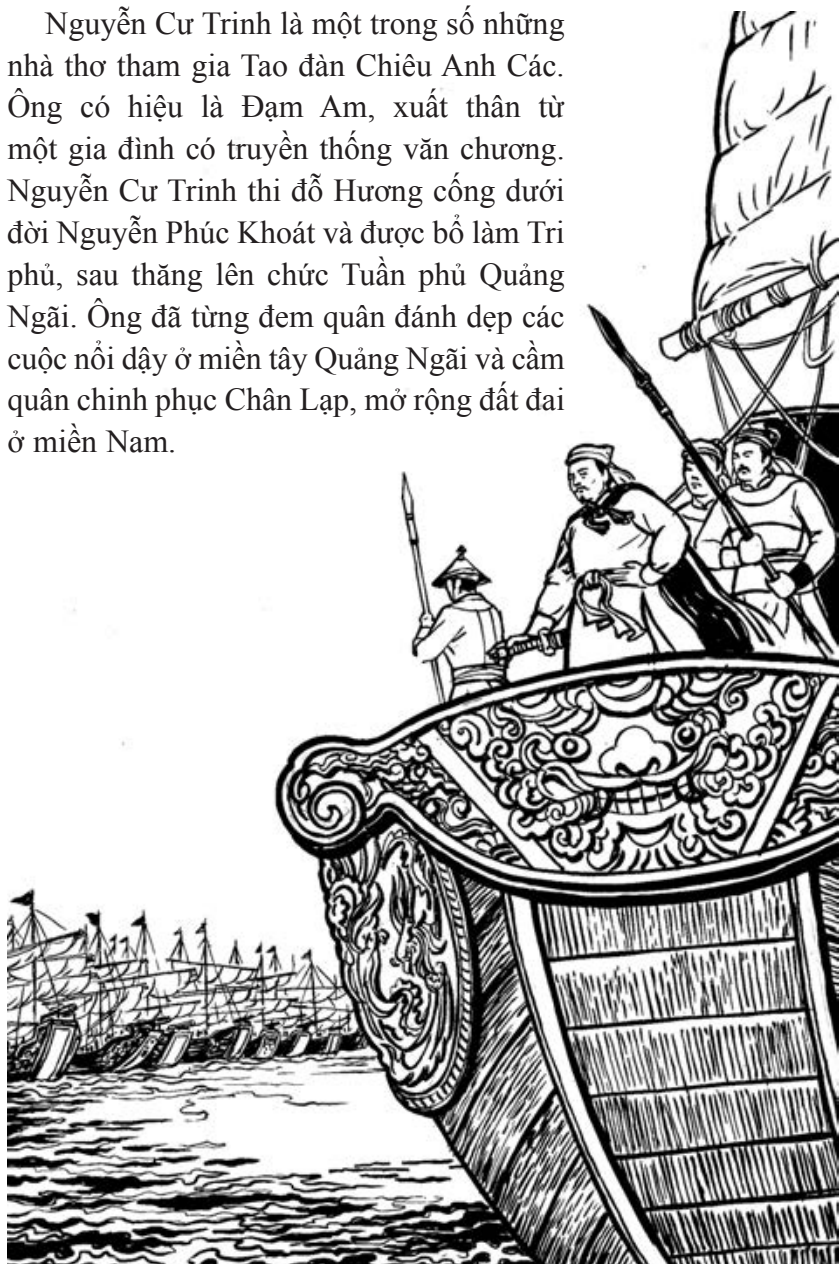
Hà Tiên không những phát triển kinh tế dưới thời Mạc Thiên Tứ mà các hoạt động văn học cũng rất sôi nổi với *Tao đàn Chiêu Anh Các*. Được thành lập vào khoảng năm 1736, *Tao đàn Chiêu Anh Các* vừa làm nơi sáng tác, bình văn, truyền bá văn học, quy tụ các nhà thơ người Việt và người Hoa. Hội Tao đàn này đã sáng tác nhiều bài thơ ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên và mô tả cuộc sống, cảnh sinh hoạt, cày cấy, đánh cá của cư dân vùng đất cực nam đất nước.

Các bài thơ này đã mở đầu cuộc xướng họa của nhiều nhà thơ ở Đàng Trong và cả các nhà thơ Trung Quốc, tổng cộng đến 320 bài, tập hợp thành tập thơ *Hà Tiên thập cảnh*.

Ngoài ra, Mạc Thiên Tứ còn có tập thơ *Minh Bật di ngư*, bài phú *Lư Khê nhàn điệu* dài hơn 100 câu và 32 bài thơ Đường luật ca ngợi phong cảnh Lư Khê và tập thơ Nôm *Hà Tiên quốc âm thập vịnh*.



Nguyễn Cư Trinh là một trong số những nhà thơ tham gia Tào đàn Chiêu Anh Các. Ông có hiệu là Đạm Am, xuất thân từ một gia đình có truyền thống văn chương. Nguyễn Cư Trinh thi đỗ Hương cống dưới đời Nguyễn Phúc Khoát và được bổ làm Tri phủ, sau thăng lên chức Tuần phủ Quảng Ngãi. Ông đã từng đem quân đánh dẹp các cuộc nổi dậy ở miền tây Quảng Ngãi và cầm quân chinh phục Chân Lạp, mở rộng đất đai ở miền Nam.



Trong thời gian ở Bình Thuận và Gia Định, ông thường cùng Mạc Thiên Tứ làm thơ, xướng họa. Ông là tác giả của nhiều tác phẩm như *Quảng Ngãi thập nhị cảnh* bằng chữ Nôm, *Đạm Am thi tập* bằng chữ Hán, trong đó có 10 bài thơ họa các bài vịnh cảnh Hà Tiên của Mạc Thiên Tứ.



Dưới thời Nguyễn Phúc Khoát và Nguyễn Phúc Thuần, Đàng Trong nhiều lần cất binh sang giúp vua Chân Lạp thân Đại Việt chống lại phe thân Xiêm hoặc chống lại sự xâm lược của quân Xiêm ở Chân Lạp.

Ở Chân Lạp, Nặc Tha bị Nặc Thâm lật đổ. Nặc Tha chạy đến Gia Định cầu cứu chúa Nguyễn giúp lấy lại ngôi vua. Tuy nhiên, sau đó, Nặc Thâm bị con là Nặc Nguyên cướp ngôi. Nặc Nguyên sai sứ sang Đàng Ngoài muốn nhờ chúa Trịnh giúp đỡ.





Võ vương sai Nguyễn Cư Trinh và Thiện Chính đem quân đánh Nặc Nguyên. Nặc Nguyên chạy sang Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ xin chúa Nguyễn cho về Chân Lạp và xin dâng đất Tầm Đôn - Soài Rạp (nay là vùng Tân An, Gò Công, tỉnh Tiền Giang) để chuộc tội. Theo lời cầu của Nguyễn Cư Trinh, Võ vương chấp thuận.



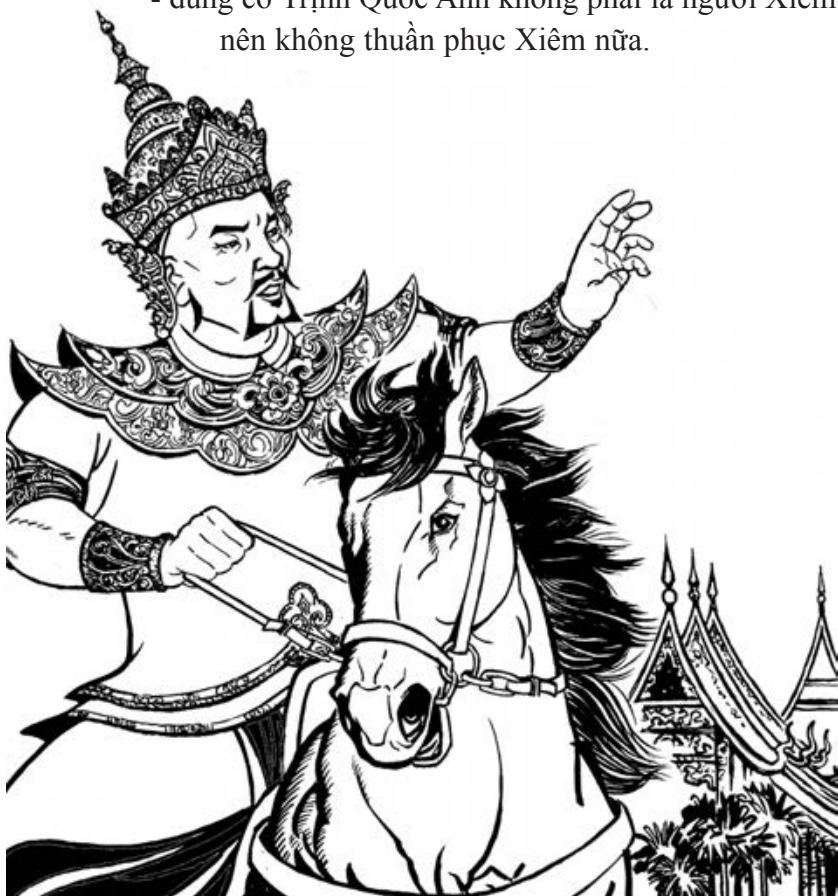
Nặc Nguyên làm vua không bao lâu thì mất. Chân Lạp lại rối ren vì tranh giành ngôi báu và phải nhờ đến sự giúp đỡ của chúa Nguyễn. Việc này đã sáp nhập thêm Trà Vinh, Ba Thắc, Tầm Phong Lộng (vùng giữa sông Tiền và sông Hậu, từ Châu Đốc đến Cần Thơ) vào bản đồ nước ta.

Võ vương sai Nguyễn Cư Trinh tổ chức việc cai trị trên phần đất mới gọi là đạo Trường Đồn (Định Tường) và sau đó lập các đạo Đông Khẩu (Sa Đéc), Tân Châu, Châu Đốc, Kiên Giang và Long Xuyên (Cà Mau). Như thế, trong vòng hơn nửa thế kỷ (1698-1757), miền Nam đã được tổ chức hoàn chỉnh về mặt hành chính.

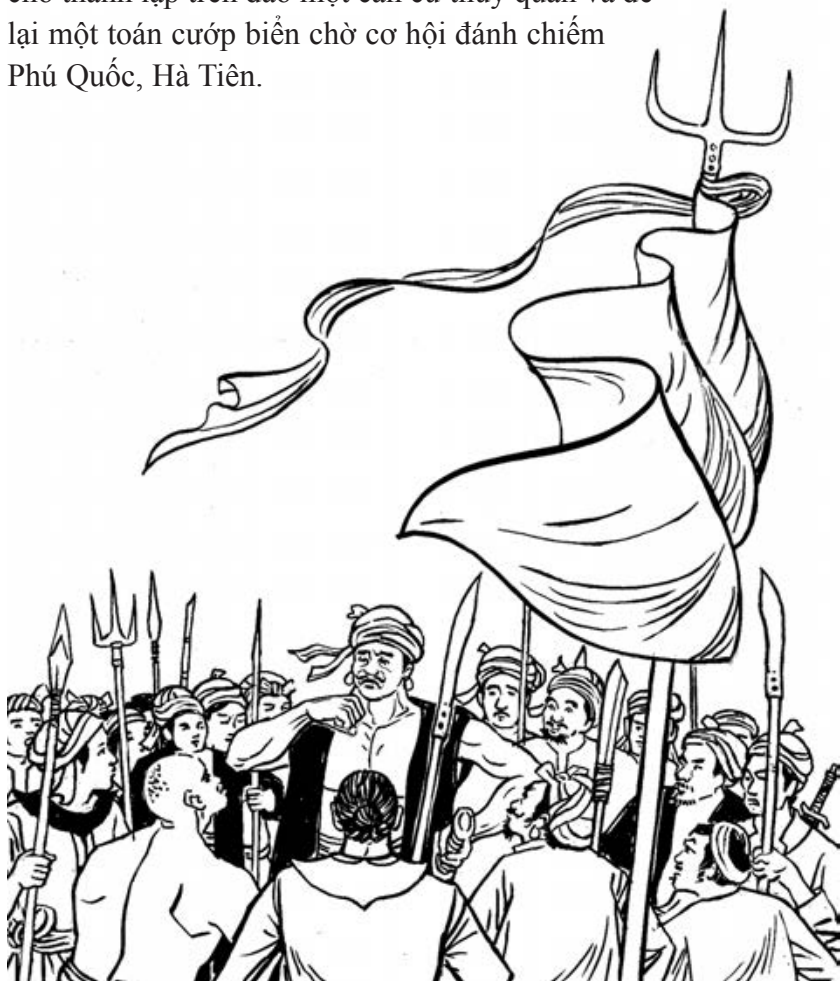


Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Thuần, tình hình Đàng Trong ngày càng rối ren. Một mặt là do nổi dậy chống lại triều đình, một mặt do những cuộc xâm lấn của quân Xiêm ở miền Nam.

Năm 1767, Xiêm bị Miến Điện đánh phá, vua Xiêm bị bắt đi. Hoàng tử Xiêm tên là Chiêu Thúy trốn sang Hà Tiên, một hoàng tử khác trốn sang Chân Lạp. Nhân đó, một vị quan gốc Hoa tên là Trịnh Quốc Anh nổi lên, tự lập làm vua. Trịnh Quốc Anh bỏ Ayutthaya, lập kinh đô mới ở Bangkok. Vua Chân Lạp - Nặc Tôn - dùng có Trịnh Quốc Anh không phải là người Xiêm nên không thuận phục Xiêm nữa.



Năm 1768, lấy cớ truy lùng hoàng tử Xiêm, Trịnh Quốc Anh mang quân chiếm Hòn Đất, tìm nơi ẩn trốn của hoàng tử, đồng thời cho tướng Chakri (vị vua đầu tiên của vương triều Chakri, Thái Lan) mang quân tiến đánh Chân Lạp, đưa Nặc Nộn (tức Ream Reachea) lên ngôi vua, nhưng thất bại. Sau ba tháng truy lùng không có kết quả, Trịnh Quốc Anh cho quân rút về nước nhưng cho thành lập trên đảo một căn cứ thủy quân và để lại một toán cướp biển chờ cơ hội đánh chiếm Phú Quốc, Hà Tiên.



Năm 1769, quân Khmer dưới sự chỉ đạo của cướp biển người Triều Châu tên Trần Liên cướp phá Hòn Đất, cùng với hai gia nhân của Mạc Thiên Tích tạo phản (Mạc Sung và Mạc Khoán) tiến đánh Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ diệt hai kẻ làm phản và đàn áp cướp biển, chỉ có Trần Liên là chạy thoát sang nương nhờ Xiêm. Lợi dụng cơ hội này, Mạc Thiên Tứ lấy lại được Hòn Đất (1770).



Việc hai hoàng tử Xiêm nương náu ở Chân Lạp và Hà Tiên là cái gai Trịnh Quốc Anh nhất định phải nhổ. Năm 1771, Trịnh Quốc Anh đích thân mang đại quân sang đánh Hà Tiên.

Khi Trịnh Quốc Anh đang chuẩn bị lực lượng, Mạc Thiên Tứ cho dò la biết được nên cấp báo về Gia Định xin cứu viện. Tuy nhiên, Điều khiển Gia Định là Tổng Văn Khôi bảo rằng năm trước Hà Tiên có lần báo nguy không đúng nên không cử quân đi.





Lực lượng quân Xiêm rất mạnh với quân thủy bộ lên đến 2 vạn. Quân Xiêm chiếm núi Tô Châu, đặt đại bác bắn vào thành, Mạc Thiên Tứ với số binh ít ỏi, cố gắng chống cự nhưng do lực lượng quá chênh lệch nên Mạc Thiên Tứ phải bỏ thành chạy về đạo Trấn Giang. Trịnh Quốc Anh cho thiêu trụi Hà Tiên và chiếm tất cả đảo lớn nhỏ quanh Hà Tiên. Để lại Trần Liên chiếm giữ Hà Tiên, Trịnh Quốc Anh đưa quân sang Chân Lạp, lập Nặc Nộn làm vua.

Chúa Nguyễn cho là Tổng Văn Khôi không nhanh chóng đem quân cứu viện đã khiến cho Hà Tiên mất về tay quân Xiêm nên giáng chức Tổng Văn Khôi và đưa Nguyễn Cửu Đàm lên thay.



Năm 1772, Nguyễn Cửu Đàm cùng các tướng mang 1 vạn quân từ Bình Khang, Bình Thuận hợp với quân ở Gia Định, đánh đuổi quân Xiêm. Theo đường Tiền Giang, Nguyễn Cửu Đàm tiến quân sang Chân Lạp, đánh phá quân Xiêm ở Nam Vang và đưa Nặc Tôn trở lại ngôi vua.



Trịnh Quốc Anh gây áp lực tại Hà Tiên, bắt con cháu Mạc Thiên Tứ, bắt và giết Chiêu Thúy, buộc chúa Nguyễn phải dừng chân ở Nam Vang, không được tiến xa hơn. Sau cùng, hai bên đi đến một thỏa thuận: chúa Nguyễn rút quân khỏi Chân Lạp, còn quân Xiêm rút khỏi Hà Tiên. Năm 1773, Trịnh Quốc Anh rút quân khỏi Hà Tiên, Phú Quốc và Hòn Đất, trả lại con cháu của Mạc Thiên Tứ bị bắt làm tù binh và triệu Trần Liên về.





Nguyễn Cửu Đàm rút quân về Gia Định. Tuy đã đuổi được quân Xiêm nhưng Nguyễn Cửu Đàm vẫn lo tăng cường phòng thủ cho Gia Định. Ông cho đắp lũy bao bọc Bến Nghé về phía bắc và phía tây, nối từ rạch Bến Nghé đến rạch Thị Nghè ngày nay. Lũy dài 15 dặm (khoảng 8,5km) mặt ngoài thẳng đứng, mặt trong dốc lại trông như nửa bức tường nên được gọi là lũy Bán Bích.

Vào thời gian đó, Nguyễn Nhạc đã tập hợp lực lượng nghĩa quân ở Tây Sơn. Quân Tây Sơn tiến xuống, chiếm thành Quy Nhơn và đến cuối năm 1773, đã làm chủ từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận.

Biết tình hình Đàng Trong rối ren chúa Trịnh quyết định cất quân đi đánh Đàng Trong. Đàng Trong bị đánh bại. Tháng 12 năm Quý Ty (1774) quân Trịnh tiến vào Phú Xuân, chúa Nguyễn lúc bấy giờ là Định vương Nguyễn Phúc Thuận phải chạy vào Quảng Nam rồi Gia Định.



Lúc bấy giờ, Nguyễn Nhạc tạm thời hàng quân Trịnh để có thể tập trung lực lượng chống chúa Nguyễn. Năm 1776, Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Lữ tiến đánh Gia Định, Nguyễn Phúc Thuần bỏ chạy. Sau khi quân Tây Sơn rút đi, chúa lại trở lại Gia Định.

Đông cung Nguyễn Phúc Dương cũng trốn khỏi Quy Nhơn để vào Gia Định. Nguyễn Phúc Thuần nhường ngôi cho Dương (tức Tân Chính vương) còn mình xưng là Thái Thượng vương.



Tháng 3 năm Đinh Dậu (1787), quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ cầm quân lại tiến đánh Gia Định. Tân Chính vương và Thái Thượng vương đều bị bắt và bị giết.

Các chúa Nguyễn truyền từ Nguyễn Hoàng đến Tân Chính vương được 10 đời, làm chủ Đàng Trong trong 219 năm.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của viện Sử học), Hà Nội, 1992.
- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971.
- Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Đại Việt sử kí tục biên*, NXB Khoa học Xã hội, 1991.
- Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- Li Tana, *Xứ Đàng Trong – Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, NXB Trẻ, TP.HCM, 1999.
- Tạp chí Xưa và Nay (chủ biên), *Triều Nguyễn và lịch sử nước ta*, NXB Văn hóa Sài Gòn, TP.HCM, 2008.
- Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong: 1558-1777: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2011.
- Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971.

HỌ MẠC VỚI HÀ TIÊN

Công cuộc mở đất về phương Nam của dân tộc ta trải qua nhiều thời kỳ, cơ bản hoàn thành với việc xác lập chủ quyền ở vùng đất Tây Nam Bộ, sau đó là Tây Nguyên để nước ta có diện mạo chữ S như ngày nay từ năm 1830.

Quá trình xác lập chủ quyền ở vùng đất Tây Nam Bộ của các chúa Nguyễn không diễn ra theo đường thẳng mà theo đường vòng, tuần tự sáp nhập từng phần đất rải rác khác nhau. Trong đó, một trong những sự kiện có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu cột mốc hoàn thành quá trình mở đất về phương Nam của chúa Nguyễn chính là sự ra đời và mở rộng trấn Hà Tiên.

Miền Tây Nam Bộ nói chung được chúa Nguyễn chú ý muộn hơn so với Đông Nam Bộ vì điều kiện khai phá khó khăn hơn. Một số tài liệu cho rằng người Việt đã có mặt ở khu vực này từ khoảng thế kỷ XVI, XVII. Khu vực này khi đó vẫn còn rất hoang vu, bạt ngàn rừng rậm.

Hà Tiên là tên gọi đã có từ xa xưa, không ai biết chính xác có từ bao giờ. Tương truyền, vì mên cảnh trần gian nơi đây thiên nhiên tươi đẹp, non nước hữu tình, tiên nữ thường hay xuất hiện ngoạn cảnh trần gian, từ đó đã xuất hiện tên gọi Hà Tiên. Theo cổ sử, Hà Tiên thuộc vương quốc Phù Nam từ thế kỷ thứ I cho đến thế kỷ thứ VII, sau đó thuộc Chân Lạp. Tuy về danh nghĩa thuộc Chân Lạp nhưng trong một thời gian dài nơi này gần như bị bỏ hoang. Cho đến thế kỷ XVII, trấn Hà Tiên chưa định rõ về mặt ranh giới và lãnh thổ. Trấn Hà Tiên dưới thời chúa Nguyễn

gồm các tỉnh thành: Kiên Giang, Cà Mau, Hậu Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng và một số phần đất thuộc Campuchia ngày nay. Khi Gia Long lên ngôi năm 1802, Hà Tiên được đặt thành trấn của Nam Kỳ, trong trấn có huyện Hà Tiên. Năm 1825, để không trùng tên với trấn, vua Minh Mạng đổi huyện Hà Tiên thành huyện Hà Châu. Năm 1832, vua Minh Mạng lại đổi trấn Hà Tiên thành tỉnh Hà Tiên. Ở Hà Tiên, trước khi Mạc Cửu đến sinh sống cũng đã có những lớp cư dân Việt sinh sống, họ vốn xuất thân từ những dòng người di dân lẻ tẻ, tự phát gồm nhiều thành phần như nông dân nghèo, thợ thủ công, binh lính,... Tây Nam Bộ lúc này vẫn còn là vùng đất hoang vu mà triều đình Chân Lạp vẫn chưa với tay cai quản tới được. Do có sự ưu đãi lớn về mặt điều kiện tự nhiên nên vùng đất này có sức hút mạnh mẽ đối với các dòng người Việt di cư. Họ đến đây khai khẩn, làm ăn sinh sống, lập ra những làng mạc đầu tiên của người Việt. Trong khoảng thế kỷ XVII, XVIII những dòng lưu dân người Việt nói chung đã tỏa đi khắp nơi ở khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Họ đi đến đâu khai hoang đến đó, lập làng xóm và tiếp xúc, sống chan hòa với các tộc người khác. Người Việt vừa tiếp thu, vừa có những ảnh hưởng về văn hóa đến những tộc người cùng chung sống tại mảnh đất mà chính quyền sở tại thực chất chưa tổ chức được bộ máy cai trị.

Như vậy, trước khi Mạc Cửu đến, vùng đất này đã có sự tụ cư, xây dựng các xóm làng của nhiều tộc người, trong đó người Việt chiếm số đông và giữ vai trò quan trọng. Khi Mạc Cửu đến, ông đã có công phổ biến phương thức làm ăn mới thúc đẩy kinh doanh, thương mại đã tạo nên sự biến chuyển đáng kể cho khu vực này.

Nói đến công cuộc khai phá vùng đất trấn Hà Tiên trong giai đoạn đầu, vào những thập kỷ cuối thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII, không thể không nói đến họ Mạc mà trước hết là Mạc

Cửu. Xét về vai trò, những đóng góp và công lao của họ Mạc nói chung, đến nay cũng có nhiều học giả với quan điểm và cách đánh giá có khác nhau, nhưng nhìn chung đều nhấn mạnh hoặc ra sức đề cao vai trò và công lao của hai cha con họ Mạc, coi đó là nhân tố quyết định đối với công cuộc khai phá vùng đất thuộc trấn Hà Tiên lúc mới bắt đầu, ghi nhận công lao khai phá Hà Tiên về cho Mạc Cửu và con trai là Mạc Thiên Tích.

Mạc Cửu, sinh năm 1655, mất năm 1735, vốn là người Hoa, quê quán xã Lê Quách, huyện Hải Khang, phủ Lô Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Ông không phải là quan lại nhà Minh mà là thương nhân, chủ thuyền buôn, đi lại buôn bán trên các tuyến đường biển từ Trung Quốc đến Philippines, Batavia (Indonesia) nhưng vì không chấp nhận sự thay thế của nhà Thanh nên năm 1679 ông dẫn đoàn tùy tùng xuôi về phương Nam lập nghiệp. Mạc Cửu đã chọn cho mình một con đường đi riêng biệt và rất độc đáo, nghĩa là ông không đặt trước vấn đề là đi đến vùng đất nào cụ thể, mà chủ yếu là xuôi về phương Nam, tìm nơi có địa lợi rồi trù tính mưu kế lấy đó làm nơi khai cơ lập nghiệp. Ông đã vượt biển sang trú ngụ ở phủ Nam Vang của Chân Lạp năm 1680. *Gia Định thành thông chí* viết: “... đến năm Khang Hy thứ mười chín (1680), tỉnh Quảng Đông mới được dẹp xong, nhà Minh mất, không phục chính sách buổi đầu của nhà Đại Thanh, để tòng sang phương Nam”.

Ông là một nhà buôn thảo vát, lanh lợi có tài kinh bang tế thế, nói thạo tiếng Chân Lạp, khoảng năm 1680, ông được vương quốc này là Nặc Nộn mời làm quan và phong cho chức Ốc nha. Thấy chính sự nước này rối ren, mà đất Mang Khảm (tên vùng đất Hà Tiên lúc bấy giờ) thuộc tỉnh Peam (người Hoa gọi Phương Thành) có nhiều người Việt, người Hoa, người Chân Lạp, người Chà Và đến sinh sống nên ông xin đến mở sòng bạc lấy xâu (gọi

là thuế hoa chi). Ông cho xây một tòa thành trên bờ biển, mở phố xá, chiêu mộ dân lưu tán người Việt lập nên 7 xã thôn: Hà Tiên, Phú Quốc, Cần Bột, Trũng Kè, Hương Áo, Rạch Giá, Cà Mau, khuyến khích và hỗ trợ nông cụ cho người dân khai hoang trồng trọt. Người Việt nhập cư ngày càng đông, có mặt ở các cửa sông, hải đảo để đánh bắt thủy hải sản, canh tác nông nghiệp, định cư thành thôn ấp và dần dần chiếm vị trí quan trọng ở Hà Tiên. Ông đã tổ chức kinh doanh buôn bán để thu hoa chi, đồng thời tổ chức việc buôn bán với nước ngoài. Nhiều tài liệu cho thấy Mạc Cửu đã kêu gọi và đón nhận thuyền buôn các nước đến buôn bán đồng thời cũng chủ động đặt quan hệ buôn bán với các nước. Năm 1728 và năm 1729, Mạc Cửu phái Lưu Vệ Quân và Huỳnh Tập Quan mang hai thương thuyền sang Nhật Bản liên hệ việc mậu dịch, được triều đình Nhật Bản - Mạc Phủ Đức Xuyên - cấp giấy phép buôn bán. Năm 1731 và năm 1732, lại phái thương thuyền sang Nhật. Việc buôn bán với Trung Quốc cũng được bắt đầu từ năm 1729, từ đó những thổ sản của Hà Tiên như hải sâm, cá khô, tôm khô v.v... cũng được xuất cảng sang Trung Quốc. Để khuyến khích tàu buôn nước ngoài đến buôn bán, Mạc Cửu đã thực hiện một chính sách thuế hàng hóa khá ưu đãi. Hàng hóa buôn bán chỉ phải chịu một món thuế nhỏ. Những hoạt động nói trên của Mạc Cửu chẳng bao lâu đã mang lại sự mua bán sầm uất, trù mật cho phố cảng Hà Tiên. Các thương hiệu của người Hoa và người Việt lần lượt mọc lên, buôn bán nhộn nhịp. Hàng quán, các cửa hàng mỹ nghệ mọc ra khắp nơi, nghề thủ công mỹ nghệ phát triển, khai thác đánh bắt thủy sản được mở mang, tạo cho Hà Tiên thế mạnh về kinh tế, phát triển nền văn hóa rực rỡ. Vào đầu thế kỷ XVIII, Hà Tiên có hải cảng lớn giao thương với các tàu buôn phương Tây và các nước Nam Á trong hải trình từ Tây sang Đông và ngược lại. Từ đó đã thu hút thêm nhiều lưu dân đến ở trong đó có người

Việt, người Hoa, người Chà Và và dân cư Khome; vùng đất này nhanh chóng trở nên giàu có, phố chợ từng bước được mở mang. “Hà Tiên dưới thiện chí của Mạc Cửu ngày một thịnh vượng, nhân dân được an cư lạc nghiệp, xã hội Hà Tiên là một xã hội văn nhả”.

Đây là một sự đóng góp trực tiếp và to lớn của Mạc Cửu vào sự thịnh vượng của phố cảng Hà Tiên vào những thập niên đầu thế kỷ XVIII. Công cuộc buôn bán mở mang phố xá, thôn xóm ở vùng đất này đang trên đà phát triển thì một trở ngại mới xuất hiện: đó là cục diện phức tạp tay ba giữa Chân Lạp - Xiêm - Đàng Trong mà chủ yếu xuất phát từ tham vọng muốn thiết lập ảnh hưởng đến các vùng đất của Chân Lạp của Xiêm La và Đàng Trong, Hà Tiên trở thành “vùng đệm” quan trọng đứng trước những đe dọa đến sự phát triển ổn định, lâu dài.

Trong bối cảnh lịch sử đó, có mưu sĩ là Tô Quân mách bảo: “Người Cao Miên bản tính bạc bẽo, hay mưu mô dối trá, hiểm kế trung thành chất phác, tình thế không thể nương nhờ họ lâu dài được. Chi bằng sang nước Đại Việt phương Nam, gõ cửa khuyết xưng thần để tạo ra một chỗ dựa căn bản vững chắc, vạn nhất nếu xảy ra chuyện gì thì có thể cậy nhờ giúp đỡ”. Cửu cho là phải.

Năm 1708, *“Cửu cùng thuộc hạ là bọn Trương Cầu, Lý Xã đem ngọc lụa đến của khuyết dâng biểu xưng thần, xin làm Hà Tiên trưởng”*. *“Chúa Nam thấy cụ tướng mạo khôi ngô, cử chỉ khoan thai kính cẩn, khen là bậc trung thành, liền ra sắc chỉ cho làm thuộc quốc, gọi xứ ấy là trấn Hà Tiên, trao phẩm tước cho cụ làm Tổng binh, ban cấp ấn thụ, lại sai nội thân tiến chân đến tận cửa ải, dành cho sự vinh dự, ưu đãi đặc biệt”*. Về thời điểm Mạc Cửu dâng Hà Tiên cho chúa Nguyễn ở Đàng Trong có một số tài liệu ghi nhận là năm 1714; song hầu hết sử liệu đáng tin cậy từ triều Nguyễn đều ghi nhận là 1708 và phần đông học giả cũng chấp nhận niên đại này. Do đó, sự kiện 1708 tạo điều kiện

cho vùng đất rộng lớn từ Kiên Giang đến Cà Mau thuộc về nhà Nguyễn, đánh dấu một cột mốc quan trọng đối với quá trình mở rộng lãnh thổ, đặc biệt là với khu vực Tây Nam Bộ. Khi Mạc Cửu dâng đất lên cho chúa Nguyễn, chúa Nguyễn dùng hai chữ Hà Tiên để đặt tên cho cả vùng đất bao gồm toàn bộ tỉnh Kiên Giang và một số vùng lân cận ngày nay. Như vậy, đến năm 1708 trên vùng đất Thủy Chân Lạp đã có ba trấn (Trấn Biên, Phiên Trấn và Hà Tiên trấn) thuộc phủ Gia Định trực thuộc chính quyền của chúa Nguyễn (Đàng Trong).

Với sự kiện này, Mạc Cửu đã tự nguyện chọn sự bảo trợ của chúa Nguyễn cho Hà Tiên. Hà Tiên trở thành một đơn vị hành chính đặc biệt, có tính tự trị tương đối; song vẫn là một phần lãnh thổ, một địa phương - trấn đứng đầu biên viễn của Đàng Trong. Hà Tiên còn có một sứ mệnh quan trọng trong việc mở rộng thêm các phần đất mới cho chúa Nguyễn, trở thành một cầu nối quan trọng trong quan hệ với Chân Lạp giúp chúa Nguyễn hoàn thành quá trình mở mang lãnh thổ của mình. Bên cạnh đó, Hà Tiên cũng góp phần ngăn chặn việc các phe phái vương triều Chân Lạp trong các cuộc tranh chấp nội bộ tìm đến Xiêm La cầu cứu, làm phức tạp hơn tình hình và bối cảnh khu vực.

Ngoài việc tập trung phát triển kinh tế, Mạc Cửu cũng chú ý đến việc xây dựng nền quân sự hệ thống phòng thủ cho Hà Tiên. Việc này có nguyên nhân xuất phát từ sự kiện năm 1715. Các lực lượng Hoàng gia Chân Lạp thời kỳ này cơ bản chia làm 2 phe: phe thân chúa Nguyễn và phe nương nhờ Xiêm La. Tháng 2 năm 1715, Nặc Thâm với sự hỗ trợ của Xiêm La đã tấn công Hà Tiên, xem như là mục tiêu để gây chiến với Nặc Yêm - phe đối lập trong triều đình Chân Lạp, cướp hết của cải. Do bất ngờ, không phòng bị nên Mạc Cửu không chống cự được, chỉ giữ được đất Lũng Kỳ. Sau khi lực lượng của Nặc Thâm rời khỏi Hà Tiên,

Mạc Cửu quay trở về. Sau thất bại này, ông ý thức được việc phải xây dựng nền quân sự cho Hà Tiên. Mạc Cửu “đắp thành đất, đặt xích hậu xa để làm kế phòng thủ”. Ông còn xây dựng quan hệ giữa dinh Trấn Biên và trấn Hà Tiên bằng cách thiết lập quan hệ thông gia với Trấn Thượng Xuyên, khiến Hà Tiên càng thêm gắn bó với Gia Định, là cầu nối với trung tâm kinh tế lớn nhất Nam Bộ lúc bấy giờ.

Có thể nói, chính Mạc Cửu là người có công đầu trong việc đặt nền móng và phát triển trấn Hà Tiên, mang lại cho Đàng Trong một vùng lãnh thổ rộng lớn và giàu có. Ông được chúa Nguyễn phong tặng là Khai trấn Thượng trụ quốc Đại tướng quân Vũ Nghị công.

Sau khi Mạc Cửu mất (1735), con ông là Mạc Thiên Tứ (1718-1780) tiếp tục sự nghiệp xây dựng Hà Tiên. Ông đã giúp chúa Nguyễn trong việc phòng giữ vùng Hà Tiên khỏi sự xâm lăng của Xiêm La, Chân Lạp và những nhóm cướp biển và mở mang kinh tế vùng này. Mạc Thiên Tứ không những chỉ bảo vệ, kế thừa những thành quả do Mạc Cửu gây dựng mà còn đưa Hà Tiên vươn lên tầm cao mới về cả mức độ thịnh vượng lẫn sự mở rộng lãnh thổ của Đàng Trong về phía Tây.

Chúa Nguyễn và họ Mạc đã gây dựng cho Hà Tiên một nền tảng quân sự vững chắc, đủ sức đối phó với sự đe dọa của một số thế lực như Chân Lạp và Xiêm La. Đóng góp vô cùng to lớn của Mạc Thiên Tứ chính là không chỉ bảo vệ thành công Hà Tiên khỏi những mưu toan giành lại đất của Chân Lạp mà còn mở rộng thêm lãnh thổ của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Năm 1756 ông thi hành nhiệm vụ của một đặc sứ và giúp chúa Nguyễn mở rộng lãnh thổ miền Cửu Long. Sau khi vua Chân Lạp là Nặc Nguyên thân phục chúa Trịnh, chúa Nguyễn đã cử Nguyễn Cư Trinh đem binh chinh phạt. Nặc Nguyên thua chạy đến Hà Tiên xin Mạc Thiên Tứ cho tạm cư. Thiên Tứ thuyết phục Nặc Nguyên theo về hàng

phục chúa Nguyễn. Nặc Nguyên nghe theo. Vua Chân Lạp dâng đất Tầm Bôn (vùng Tân An), và Lôi Lạp (vùng Gò Công) để tạ ơn. Thiên Tứ đã đưa Nặc Nguyên trở về ngôi vua Chân Lạp. Năm sau, Nặc Nguyên chết, hoàng tộc Chân Lạp lại tranh giành ngôi vua, con Nặc Nguyên là Nặc Tôn xin Thiên Tứ trợ lực. Thiên Tứ đã giúp cho Nặc Tôn lên ngôi. Nặc Tôn dâng cho Võ Vương vùng Kampong Luôn (phía bắc của Hà Tiên). Vùng này có tên Việt Nam là Tầm Phong Long (một địa danh thuộc Châu Đốc ngày nay). Về địa lý, địa danh Kampong Luôn hay Tầm Phong Long là một vùng rất rộng trải dài từ Vĩnh Long - Sa Đéc đến khỏi Long Xuyên - Châu Đốc, sang đất Campuchia ngày nay. Như đã nói, vào thế kỷ 18, vua Chân Lạp (Nặc Tôn) dâng vùng đất này cho Việt Nam, vì vậy một vùng đất gần biên giới Việt Nam - Campuchia có tên là Tầm Phong Long. Sau này Tầm Phong Long đổi thành Hồng Ngự, tên một quận thuộc tỉnh An Giang.

Nhờ có Hà Tiên, nhờ có Mạc Thiên Tứ nói riêng và dòng họ Mạc nói chung mà chúa Nguyễn có điều kiện thuận lợi hoàn tất công cuộc mở đất về phía Nam. Trấn Hà Tiên dưới thời chúa Nguyễn gồm các tỉnh hiện nay: Kiên Giang, Cà Mau, Hậu Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng và một số phần đất thuộc Campuchia ngày nay.

Ngoài công lao và đối ngoại, trị an, bảo vệ và bành trướng lãnh thổ. Mạc Thiên Tích còn góp phần rất lớn trong lịch sử văn học Việt Nam. Ông lập ra Tao đàn Chiêu Anh Các và để lại nhiều bài thơ chữ Hán và chữ Nôm. Chiêu Anh Các là nơi tụ tập những văn thi nhân để làm thơ xướng họa về những cảnh đẹp của Hà Tiên do chính Mạc Thiên Tứ dùng làm đề tài cho những bài thơ. Những bài thơ chữ Hán này được ghi lại, cùng với những bài họa của các văn nhân trong thi đàn.

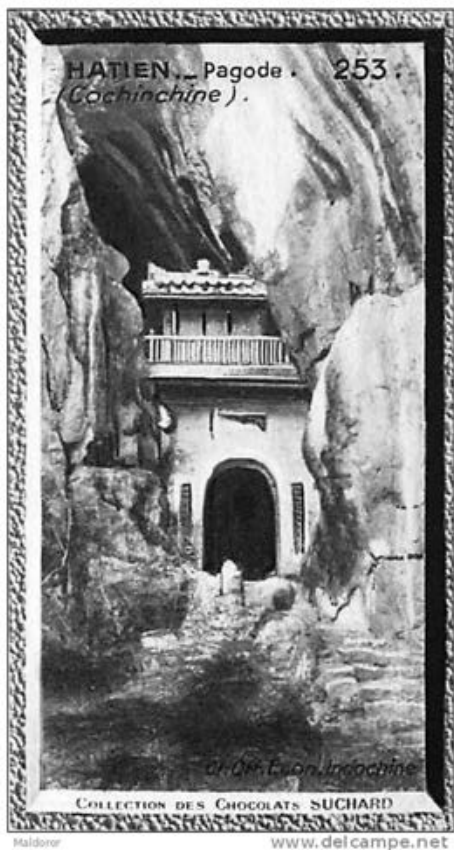
Trải qua nhiều giai đoạn, quá trình khai phá và mở rộng vùng đất Hà Tiên có nhiều ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử dân tộc. Để có được một Hà Tiên với vị trí và ý nghĩa to lớn đó, không thể không nhắc đến công lao to lớn của họ Mạc mà điển hình là cha con Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ. Từ chỗ tập hợp lưu dân người Việt tại chỗ và chiêu mộ thêm ngày càng nhiều lưu dân, Mạc Cửu đã xây dựng một Hà Tiên với một diện mạo mới, phát triển nhiều mặt về kinh tế đồng thời sáp nhập vào lãnh thổ của Đàng Trong. Kế thừa thành quả đó, Mạc Thiên Tứ tiếp tục phát triển trấn Hà Tiên về các mặt kinh tế, quân sự và văn hóa, tạo ra một cơ sở cần thiết và quan trọng của quá trình xác lập chủ quyền tại vùng Tây Nam Bộ của các chúa Nguyễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, NXB Khoa học Xã hội, 1997.
2. Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, NXB Văn hóa Thông tin, 2002.
3. Nguyễn Anh, *Mạc Cửu và đất Hà Tiên*, Tạp chí Văn hóa nguyệt san, Sài Gòn, 1957.
4. Nguyễn Tuấn Anh, *Nam Bộ trong mối quan hệ giữa chúa Nguyễn với Chân Lạp và Xiêm từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX*, bài viết trong Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX, NXB Thế giới, 2009.
5. Đỗ Bang, *Hà Tiên trong di sản văn hóa dân tộc*, Hội thảo khoa học Di sản văn hóa Hà Tiên: bảo tồn và phát triển, Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Kiên Giang, 2009.
6. Vũ Thế Dinh, *Mạc thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, NXB Giáo dục, 2005.
7. Trương Minh Đạt, *Họ Mạc trong thời kỳ đầu khai sáng đất Hà Tiên*, Tạp chí nghiên cứu Lịch sử, (2), 2001.
8. Trương Minh Đạt, *Công cuộc khai hóa Hà Tiên qua các thời kỳ*, Tạp chí Xưa và Nay, (344), 2009.
9. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú thích, NXB Đồng Nai, 2005.
10. Đỗ Quỳnh Nga, *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Luận án Tiến sĩ Sử học, ĐH Huế, 2013.



Hình ảnh Hà Tiên xưa.



Chùa Hang.



Người Hà Tiên xưa.



Một ngôi chùa xưa ở Hà Tiên.



Đền thờ họ Mạc ở Hà Tiên.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

Tập 53

ĐÀNG TRONG SUY TÀN

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: ĐÀO THỊ TÚ UYÊN

Xử lý bìa: BIÊN THUY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544 - Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450

Email: info@ybook.vn - Website: www.ybook.vn

**“... có người trốn tránh việc thuế mà đi lang thang,
có người đói rét thiết thân mà xiêu tán...”**

**(Trích Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB KHXH,
Hà Nội, 1964)**

